

BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VND)



(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)

MCCB (APTOMAT) loại 2 Pha				MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	590,000	ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,020,000
ABN62c	60A	30	700,000	ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,220,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	795,000	ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	2,280,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	1,455,000	ABN404c	250-300-350-400A	42	5,500,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	3,600,000	ABN804c	500-630	45	10,400,000
ABS32c	10~30A	25	630,000	ABN804c	700-800A	45	12,290,000
ABS52c	30~50A	35	680,000	ABS104c	30,40,50,60,75,100,125A	42	1,600,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,150,000	ABS204c	150,175,200,225,250A	42	2,700,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	1,700,000	ABS404c	250-300-350-400A	65	6,250,000
BS32c (ko vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	80,000	ABS804c	500-630A	75	13,950,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	93,000	ABS804c	800A	75	15,950,000
MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha				MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	690,000	ABS1004b	1000A	65	26,500,000
ABN63c	60A	18	810,000	ABS1204b	1200A	65	28,500,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	920,000	TS1000N 4P	1000A	50	47,000,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	1,750,000	TS1250N 4P	1250A	50	50,000,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	4,400,000	TS1600N 4P	1600A	50	56,000,000
ABN803c	500-630A	45	8,700,000	ELCB (chống rò điện) loại 2 pha			
ABN803c	700-800A	45	9,950,000	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABS33c	5A-10A	14	730,000	32GRc	15-20-30A	1.5	278,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	830,000	32GRhd	15-20-30A	2.5	253,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	1,350,000	32KGRd	15-20-30A	2.5	278,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	2,250,000	EBS52Fb	40-50A	5	490,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	4,950,000	EBE102Fb	60-75-100A	5	875,000
ABS803c	500-630A	75	11,130,000	EBS52c	30-40-50A	30	1,220,000
ABS803c	700-800A	75	12,600,000	EBS102c	60-75-100A	35	1,630,000
ABS1003b	1000A	65	22,500,000	EBS202c	125,150,175,200,225,250A	65	3,580,000
ABS1203b	1200A	65	24,800,000	ELCB (chống rò điện) loại 3 pha			
TS1000N 3P	1000A	50	45,000,000	EBS53c	15,20,30,40,50A	14	1,550,000
TS1250N 3P	1250A	50	46,000,000	EBS103c	60,75,100A	18	1,900,000
TS1600N 3P	1600A	50	51,000,000	EBS203c	125,150,175,200,225,250A	26	4,120,000
TS1000H 3P	1000A	70	46,000,000	EBS403c	250-300-350-400A	37	7,800,000
TS1250H 3P	1250A	70	47,000,000	EBS803c	500,630A	37	14,000,000
TS1600H 3P	1600A	70	52,000,000	EBS803c	800A	37	17,000,000
TS1000L 3P	1000A	150	55,000,000	ELCB (chống rò điện) loại 4 cực			
MCCB (Aptomat) 3 Pha loại Chính dòng (0.7-0.85-1.0) x In max				EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	2,750,000
ABS103c FMU	20-25-32-40-50-63-80-100-125A	37	1,700,000	EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	3,150,000
ABS203c FMU	100-125-160-200-250A	37	2,400,000	EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	6,150,000
ABS403c FMU	250-300-350-400A	65	4,950,000	EBS404c	250,300,350,400A	37	11,100,000
MCCB (Aptomat) 3 Pha loại Chính dòng (0.8-1) x In max				PHỤ KIỆN MCCB			
ABE 103G	63-80-100A	16	1,500,000	Handle (tay xoay gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c		450,000
ABE 103G	80-100A	25	1,650,000		DH125-S for ABS125c		470,000
ABE 203G	125-200-250A	16	1,700,000		DH250-S for ABH250c		480,000
ABS 203G	160-200-250A	25	2,220,000		N~70S for ABN403c		900,000
PHỤ KIỆN MCCB				Extended Handle (tay xoay gắn ngoài)	N~80S for ABN803c		920,000
Shunt Trip (SHT) (Cuộn đóng ngắt)	ABN/S50~250AF		720,000		EH100-S for ABN100c		660,000
	ABN/S400~800AF		850,000		EH125-S for ABS125c		670,000
	ABS1003b~1204b		900,000		EH250-S for ABN250c		690,000
	TS1000~1600		920,000	E-70U-S for ABN403c		1,470,000	
Under Vol. Trip (UVT) (Cuộn bảo vệ thấp áp)	ABN/S50~250AF		900,000	E-80U-S for ABN803c		1,680,000	
	ABN/S400~800AF		970,000	MI-13S for ABN53~103c		600,000	
	ABS1003b~1204b		1,100,000	MI-23S for ABS103c		610,000	
Auxiliary switch (AX) (Tiếp điểm phụ)	TS1000~1600		1,200,000	MI-33S for ABN/S203c		620,000	
	ABN/S50~250AF		280,000	MI-43S for ABN/S403c		900,000	
	ABN/S400~800AF		420,000	MI-83S for ABN/S803c		1,000,000	
Alarm switch (AL) (Tiếp điểm cảnh báo)	ABS1003b~1204b		450,000	Tấm chắn pha: IB-13 for ABN52~103c		9,000	
	ABN/S50~250AF		280,000	Tấm chắn pha: IB-23 for ABS103c~ABN/S203c		18,000	
	ABN/S400~800AF		420,000	Tấm chắn pha: IBL-400 for ABN/S403c		32,000	
AL/AX	ABS1003b~1204b		450,000	Tấm chắn pha: IBL800 for ABS803c/TS630		35,000	
	ABN/S50~250AF		600,000	Tấm chắn pha: Barrier insulation for ABS1200b		38,000	
				Busbar ABN/S803c	500~800A		750,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU **LS** - HÀN QUỐC (VNĐ)



(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)

MCB (CB tếp)				RCCB (chống rò điện)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
BKN 1P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	71,000	RKP 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	4.5	350,000
BKN 1P	50-63A	6KA	75,000	RKS 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	730,000
BKN 2P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	155,000	RKN 1P+N	25-32-40A		570,000
BKN 2P	50-63A	6KA	160,000	RKN 1P+N	63A		580,000
BKN 3P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	245,000	RKN 3P+N	25-32-40A		720,000
BKN 3P	50-63A	6KA	250,000	RKN 3P+N	63A		800,000
BKN 4P	6-10-16-20-25-32-40A	6KA	395,000	RKN-b 1P+N	25-32-40A		680,000
BKN 4P	50-63A	6KA	450,000	RKN-b 1P+N	63A		750,000
BKN-b 1P	6~40A	10KA	108,000	RKN-b 1P+N	80~100A		850,000
BKN-b 1P	50~63A	10KA	128,000	RKN-b 3P+N	25-32-40A		960,000
BKN-b 2P	6~40A	10KA	235,000	RKN-b 3P+N	63A		1,060,000
BKN-b 2P	50~63A	10KA	270,000	RKN-b 3P+N	80~100A		1,250,000
BKN-b 3P	6~40A	10KA	380,000	SWITCH DISCONNECTOR			
BKN-b 3P	50~63A	10KA	465,000	Tên hàng	In (A)	Giá bán	
BKN-b 4P	6~40A	10KA	570,000	BKD 1P	40,50,63,80,100A	70,000	
BKN-b 4P	50~63A	10KA	670,000	BKD 2P	40,50,63,80,100A	140,000	
BKH 1P	80-100A	10KA	205,000	BKD 3P	40,50,63,80,100A	225,000	
BKH 1P	125A	10KA	380,000	BKD 4P	40,50,63,80,100A	315,000	
BKH 2P	80-100A	10KA	445,000	PHỤ KIỆN MCB			
BKH 2P	125A	10KA	500,000	Auxiliary switch: AX for BKN	165,000		
BKH 3P	80-100A	10KA	710,000	Alarm switch: AL for BKN	165,000		
BKH 3P	125A	10KA	785,000	Auxiliary switch: AX for BKN-b	195,000		
BKH 4P	80-100A	10KA	920,000	Alarm switch: AL for BKN-b	195,000		
BKH 4P	125A	10KA	1,150,000	Shunt for BKN	205,000		
				OVT/UVT for BKN	330,000		
Surge Protective Device (Thiết bị chống sét) - 1,2,3,4 Pole				Surge Protective Device - Single phase 2W+G (SPL)			
Tên hàng	Voltage protection	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	Voltage protection	Icu(KA)	Giá bán
BKS-A 1P	AC220V, <1.2KV	10KA	690,000	SPL-110S	AC110V/220V, < 1.5KV	20KA	2,580,000
BKS-A 2P	AC220V, <1.2KV	10KA	1,380,000	SPL-220S	AC220V, < 1.5KV	40KA	5,160,000
BKS-A 3P	AC220V, <1.2KV	10KA	2,070,000	SPL-220S	AC220V, < 1.5KV	80KA	6,890,000
BKS-A 4P	AC220V, <1.2KV	10KA	2,750,000	Surge Protective Device - Three phase 3W+G (SPT) AC 380V			
BKS-B 1P	AC220V, <1.5KV	20KA	750,000	SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	40KA	7,470,000
BKS-B 2P	AC220V, <1.5KV	20KA	1,500,000	SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	80KA	9,180,000
BKS-B 3P	AC220V, <1.5KV	20KA	2,240,000	SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	120KA	12,620,000
BKS-B 4P	AC220V, <1.5KV	20KA	2,980,000	SPT-380S	AC380V, < 2.0KV	160KA	15,490,000
BKS-C 1P	AC220V, <1.5KV	40KA	910,000	Surge Protective Device - Three phase 3W+G (SPT) AC 440V			
BKS-C 2P	AC220V, <1.5KV	40KA	1,840,000	SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	40KA	7,470,000
BKS-C 3P	AC220V, <1.5KV	40KA	2,750,000	SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	80KA	9,180,000
BKS-C 4P	AC220V, <1.5KV	40KA	3,680,000	SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	120KA	12,620,000
BKS-D 1P	AC380V, <2.0KV	60KA	1,140,000	SPT-440S	AC440V, < 2.0KV	160KA	15,490,000
BKS-D 2P	AC380V, <2.0KV	60KA	2,290,000	Surge Protective Device - Three phase 4W+G (SPY)			
BKS-D 3P	AC380V, <2.0KV	60KA	3,430,000	SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	40KA	6,890,000
BKS-D 4P	AC380V, <2.0KV	60KA	4,590,000	SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	80KA	9,180,000
BKS-E 1P	AC380V, <2.5KV	70KA	1,310,000	SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	120KA	12,620,000
BKS-E 2P	AC380V, <2.5KV	70KA	2,650,000	SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	160KA	15,490,000
BKS-E 3P	AC380V, <2.5KV	70KA	3,960,000	SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	200KA	15,600,000
BKS-E 4P	AC380V, <2.5KV	70KA	5,270,000	SPY-220S	AC220/380V, < 2.0KV	240KA	15,800,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)

KHỞI ĐỘNG TỬ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	250,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	270,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	280,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	435,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	280,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	315,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	455,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	560,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	820,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	970,000
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	1,160,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	1,320,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	1,500,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	1,830,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	2,400,000
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	2,900,000
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	3,700,000
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	4,800,000
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	5,600,000
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	7,700,000
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	8,400,000
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	9,550,000
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	19,000,000
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	20,000,000
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	25,500,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	346,000
AC-50	MC-50a~65a	430,000
AC-75	MC-75a~100a	440,000
TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	75,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	75,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	130,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	190,000
KHÓA LIÊN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	165,000
AR-180	MC-185a~400a	660,000
AR-600	MC-500a~800a	9,800,000

CONTACTOR RELAYS		
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	378,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	452,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	525,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	415,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	488,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	567,000

RƠ LÊ NHIỆT		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	248,000
MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	280,000
MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	295,000
MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	635,000
MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	915,000
MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	1,380,000
MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	2,450,000
MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	3,580,000
MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	6,580,000
RƠ LÊ ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	680,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	980,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	710,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,000,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a

* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a-40a

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỬ		
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b		138,000
Coil for MC32a, 40a		138,000
Coil for MC-50a, 65a		196,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a		235,000
Coil for MC-130a, 150a		1,150,000
Coil for MC-185a, 225a		1,480,000
Coil for MC-330a, 400a		2,620,000
Coil for MC-630a, 800a		3,520,000
DÂY ĐẦU NỐI LIÊN ĐỘNG (WIRE ASS'Y for UR-2)		
UW-18 dùng cho MC-6a~18a		200,000
UW-22 dùng cho MC-9b~22b		200,000
UW-32 dùng cho MC-32a & 40a		220,000
UW-63 dùng cho MC-50a & 65a		260,000
UW-95 dùng cho MC-75a ~ 100a		510,000
HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỬ (Encloser)		
MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	550,000
MW-32aB/40aB	Steel dùng cho MC-32a, 40a	750,000
MW-50aB/65aB	Steel dùng cho MC-50a, 65a	970,000
MW-75aB~100aB	Steel dùng cho MC-75a~100a	1,020,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)
(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



ACB METASOL 3 Pha (loại FIXED)				ACB METASOL 3 POLES (DRAW OUT)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H	630A	65	45,000,000	AN-06D3-06A	600A	65	60,000,000
AN-08D3-08H	800A	65	49,000,000	AN-08D3-08A	800A	65	61,000,000
AN-10D3-10H	1000A	65	49,500,000	AN-10D3-10A	1000A	65	62,000,000
AN-13D3-13H	1250A	65	50,000,000	AN-13D3-13A	1250A	65	63,000,000
AN-16D3-16H	1600A	65	52,000,000	AN-16D3-16A	1600A	65	64,000,000
AS-20E3-20H	2000A	85	63,000,000	AS-20E3-20A	2000A	85	74,000,000
AS-25E3-25H	2500A	85	80,000,000	AS-25E3-25A	2500A	85	93,000,000
AS-32E3-32H	3200A	85	91,000,000	AS-32E3-32A	3200A	85	112,000,000
AS-40E3-40H	4000A	85	155,000,000	AS-40E3-40A	4000A	85	170,000,000
AS-40F3-40H	4000A	100	160,000,000	AS-40F3-40A	4000A	100	185,000,000
AS-50F3-50H	5000A	100	165,000,000	AS-50F3-50A	5000A	100	190,000,000
AS-63G3-63H	6300A	120	270,000,000	AS-63G3-63A	6300A	120	315,000,000
ACB METASOL 4 POLES (FIXED)				ACB METASOL 4 POLES (DRAW OUT)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H	630A	65	51,000,000	AN-06D4-06A	600A	65	62,000,000
AN-08D4-08H	800A	65	54,000,000	AN-08D4-08A	800A	65	64,000,000
AN-10D4-10H	1000A	65	56,000,000	AN-10D4-10A	1000A	65	67,000,000
AN-13D4-13H	1250A	65	60,500,000	AN-13D4-13A	1300A	65	69,000,000
AN-16D4-16H	1600A	65	61,000,000	AN-16D4-16A	1600A	65	70,000,000
AS-20E4-20H	2000A	85	73,500,000	AS-20E4-20A	2000A	85	88,000,000
AS-25E4-25H	2500A	85	95,000,000	AS-25E4-25A	2500A	85	105,000,000
AS-32E4-32H	3200A	85	112,000,000	AS-32E4-32A	3200A	85	130,000,000
AS-40E4-40H	4000A	85	186,000,000	AS-40E4-40A	4000A	85	212,000,000
AS-40F4-40H	4000A	100	192,000,000	AS-40F4-40A	4000A	100	265,000,000
AS-50F4-50H	5000A	100	197,000,000	AS-50F4-50A	5000A	100	300,000,000
AS-63G4-63H	6300A	120	350,000,000	AS-63G4-63A	6300A	120	375,000,000
PHỤ KIỆN ACB				PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp	UVT coil		2,100,000	Khóa liên động	2-way (dùng cho 2 ACB)		8,000,000
(UVT+UDC)	UDC: UVT Time Delay Controller		2,200,000	(Mechanical Interlock)	3-way (dùng cho 3 ACB)		15,000,000
Shunt Coil (cuộn mờ)	SHT for ACB		1,000,000	Tấm chắn pha	IB for ACB 630A~6300A		450,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50KA-150KA, Ics=100% Icu

Susol MCCB (APTOMAT loại 3 Pha)				Susol MCCB (APTOMAT loại 4 Pha)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng				FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	1,840,000	TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	2,260,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	2,360,000	TD160N FTU160 4P	125A	50	3,160,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	3,250,000	TD160N FTU160 4P	160A	50	4,340,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,020,000	TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,570,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	2,680,000	TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	3,450,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	3,470,000	TS160N FTU160 4P	160A	50	4,510,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	4,100,000	TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	5,400,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	5,360,000	TS250N FTU250 4P	250A	50	7,080,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	5,930,000	TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	7,930,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	11,130,000	TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	11,240,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	12,600,000	TS800N FTU800 4P	800A	65	13,130,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In				FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	1,950,000	TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	2,380,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	2,630,000	TD160N FMU160 4P	125A	50	3,500,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	3,360,000	TD160N FMU160 4P	160A	50	4,570,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,120,000	TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,780,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	2,780,000	TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	3,630,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	3,620,000	TS160N FMU160 4P	160A	50	4,750,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	4,310,000	TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	5,680,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	5,670,000	TS250N FMU250 4P	250A	50	7,440,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	6,290,000	TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	8,460,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	11,340,000	TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	12,920,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	13,440,000	TS800N FMU800 4P	800A	65	14,180,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)				ATU: Adjustable thermal: 0.8~1xIn, Adjustable magnetic: 5~10xIn			
TS160N ATU160 3P	125A	50	2,940,000	TS160N ATU160 4P	125A	50	3,820,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	3,830,000	TS160N ATU160 4P	160A	50	5,000,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	4,620,000	TS250N ATU250 4P	200A	50	5,970,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	6,090,000	TS250N ATU250 4P	250A	50	7,830,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	6,720,000	TS400N ATU400 4P	400A	65	9,820,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	12,080,000	TS630N ATU630 4P	630A	65	13,910,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	13,860,000	TS800N ATU800 4P	800A	65	17,020,000
ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện tử 13 bước từ 0.4->1 x In				ETS: Electronic trip units: chỉnh 13 bước từ 0.4->1 x In			
TS100N ETS23 3P	80A	50	3,470,000	TS100N ETS23 4P	80A	50	4,160,000
TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	4,730,000	TS160N ETS23 4P	40, 80, 160A	50	6,160,000
TS250N ETS23 3P	250A	50	6,720,000	TS250N ETS23 4P	250A	50	8,090,000
TS400N ETS33 3P	400A	65	7,560,000	TS400N ETS33 4P	400A	65	10,030,000
TS630N ETS33 3P	630A	65	13,230,000	TS630N ETS33 4P	630A	65	15,070,000
TS800N ETS43 3P	800A	65	14,700,000	TS800N ETS43 4P	800A	65	18,200,000
AG6: loại chỉnh dòng 7 bước từ 0.4->1 x In				Trip relay type AG6: chỉnh 7 bước từ 0.4->1 x In			
TS1000N 3P	1000A	50	45,000,000	TS1000H 4P	1000A	70	49,000,000
TS1250N 3P	1250A	50	46,000,000	TS1250H 4P	1250A	70	52,000,000
TS1600N 3P	1600A	50	51,000,000	TS1600H 4P	1600A	70	58,000,000
				TS1000L 4P	1000A	150	56,000,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG **LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)**

(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Digital Protection Relay		
Tên hàng	Protection Element	Giá bán
GIPAM-10CR	50/51, 50N/51N, 46, 79	11,000,000
Digital Power MultiMeter		
GIMAC-i	NO, M485, 5A, 50Hz, AC/DC88~264V	6,300,000
Digital Integrated MultiMetering & Control Device		
GIMAC-115P	NO,RS,M,5A,50Hz,AC/DC110V	16,000,000

RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GMP22-2S (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	680,000
GMP22-3S (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	980,000
GMP40-2S (1a1b)	4~20A, 8~40A	710,000
GMP40-3S (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,000,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	610,000

Manual Motor Starter		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	560,000
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	560,000
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	560,000
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	560,000
MMS-32S	4A (2.5~4)A	560,000
MMS-32S	6A (4~6)A	560,000
MMS-32S	8A (5~8)A	560,000
MMS-32S	10A (6~10)A	560,000
MMS-32S	13A (9~13)A	610,000
MMS-32S	17A (11~17)A	610,000
MMS-32S	22A (14~22)A	610,000
MMS-32S	26A (18~26)A	610,000
MMS-32S	32A (22~32)A	610,000
MMS-63S	40A (28~40)A	1,480,000
MMS-63S	50A (34~50)A	1,510,000
MMS-63S	63A (45~63)A	1,510,000
MMS-100S	75A (55~75)A	2,780,000
MMS-100S	90A (70~90)	3,150,000
MMS-100S	100A (80~100)	3,150,000

RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
DMP06-S (2a1b)	0.5~6A	3,210,000
DMP06-SI (2a1b)	0.5~6A	3,340,000
DMP06-SE (2a1b)	0.5~6A	3,590,000
DMP06-SEI (2a1b)	0.5~6A	3,670,000
DMP06-SEZ (2a)	0.5~6A	3,750,000
DMP06-Sa (2a1b)	0.5~6A	3,530,000
DMP06-SZ (1a1b)	0.5~6A	3,750,000
DMP06-SZa (1a1b)	0.5~6A	4,040,000
DMP60-S (2a1b)	5~60A	3,210,000
DMP60-SI (2a1b)	5~60A	3,340,000
DMP60-SE (2a1b)	5~60A	3,590,000
DMP60-SEI (2a1b)	5~60A	3,670,000
DMP60-SEZ (2a)	5~60A	3,750,000
DMP60-Sa (2a1b)	5~60A	3,530,000
DMP60-SZ (1a1b)	5~60A	3,750,000
DMP60-SZa (1a1b)	5~60A	4,040,000

KHỞ ĐỘNG TỬ 3 PHA loại DC Coil (DC Volt)		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a (VDC)	6A (1a)	350,000
MC-9a (VDC)	9A (1a)	395,000
MC-12a (VDC)	12A (1a)	460,000
MC-18a (VDC)	18A (1a)	580,000
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	440,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	520,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	700,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	800,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	935,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	1,080,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	1,450,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	1,850,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	2,400,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	2,850,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	3,000,000
MC-130a (VDC)	130A (1a1b)	3,500,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	4,300,000

KHỞ ĐỘNG TỬ 4 PHA AC (Metasol)			
Tên hàng	Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
MC-6a/4		6A	350,000
MC-9a/4		9A	385,000
MC-12a/4		12A	415,000
MC-18a/4		18A	560,000
MC-22a/4		22A	660,000
MC-32a/4		32A	945,000
MC-40a/4		40A	1,100,000
MC-50a/4		50A	1,700,000
MC-65a/4		65A	1,985,000
MC-75a/4		75A	2,535,000
MC-85a/4		85A	2,750,000
MC-100a/4	(2a2b)	100A	4,950,000
MC-130a/4	(2a2b)	130A	5,700,000
MC-150a/4	(2a2b)	150A	6,615,000
MC-185a/4	(2a2b)	185A	7,150,000
MC-225a/4	(2a2b)	225A	8,370,000
MC-265a/4	(2a2b)	265A	13,450,000
MC-330a/4	(2a2b)	330A	14,550,000
MC-400a/4	(2a2b)	400A	15,650,000
MC-500a/4	(2a2b)	500A	24,800,000
MC-630a/4	(2a2b)	630A	26,460,000
MC-800a/4	(2a2b)	800A	32,190,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN TRUNG THỂ NHÃN HIỆU **LS** - HÀN QUỐC (VNĐ)



(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)

Susol Vacuum Contactors 3.6KV (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VC-3Z-42EE	200A	4KA	28,500,000
VC-3Z-42LE	200A	4KA	29,500,000
VC-3Z-44EE	400A	4KA	28,500,000
VC-3Z-44LE	400A	4KA	29,500,000

Susol Vacuum Contactors 7.2KV (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VC-6Z-42EE	200A	4KA	28,500,000
VC-6Z-42LE	200A	4KA	29,500,000
VC-6Z-44EE	400A	4KA	28,500,000
VC-6Z-44LE	400A	4KA	29,500,000

Susol Vacuum Contactors 3.6KV (loại Drawout)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VC-3G-42EE	200A	4KA	53,800,000
VC-3G-42LE	200A	4KA	54,800,000
VC-3G-44EE	400A	4KA	53,800,000
VC-3G-44LE	400A	4KA	54,800,000

Susol Vacuum Contactors 7.2KV (loại Drawout)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VC-6G-42EE	200A	4KA	53,800,000
VC-6G-42LE	200A	4KA	54,800,000
VC-6G-44EE	400A	4KA	53,800,000
VC-6G-44LE	400A	4KA	54,800,000

POWER FUSE (Cầu chì Trung Thế)				
Tên hàng	In (A)	(KV)	Giá bán	
LFL-3/6G-5B	5A	3.6 (7.2)KV	1,850,000	
LFL-3/6G-10B	10A		1,850,000	
LFL-3/6G-20B	20A		1,950,000	
LFL-3/6G-30B	30A		1,950,000	
LFL-3/6G-40B	40A		2,050,000	
LFL-3/6G-50B	50A		2,050,000	
LFL-3/6G-60B	63A		2,150,000	
LFL-3/6G-75B	75A		2,250,000	
LFL-3/6G-100B	100A		2,350,000	
LFL-3/6G-125B	125A		2,600,000	
LFL-3G-160B	160A		3.6KV	2,800,000
LFL-3G-200B	200A			3,300,000
LFL-6G-160B	160A			7.2KV
LFL-6G-200B	200A	4,600,000		

Susol Vacuum Circuit Breaker 7.2KV (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VL-06P-08A/04	400A	8kA	52,000,000
VL-06P-13A/06	630A	12.5kA	60,800,000
VL-06P-25A/06	630A	25kA	88,000,000
VL-06P-25A/13	1250A	25kA	105,000,000
VL-06P-25A/20	2000A	25kA	135,000,000

Susol Vacuum Circuit Breaker 7.2KV (loại Drawout-E)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VL-06E-08A/04	400A	8kA	60,000,000
VL-06E-13A/06	630A	12.5kA	64,000,000
VL-06E-25A/06	630A	25kA	102,000,000
VL-06E-25A/13	1250A	25kA	108,000,000
VL-06E-25A/20	2000A	25kA	180,000,000

Susol Vacuum Circuit Breaker 24KV (loại Fixed)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VL-20P-25F/06	630A	25kA	130,000,000
VL-20P-25F/13	1250A	25kA	140,000,000
VL-20P-25F/20	2000A	25kA	145,000,000

Susol Vacuum Circuit Breaker 24KV (loại Drawout-F)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
VL-20F-25F/06	630A	25kA	160,000,000
VL-20F-25F/13	1250A	25kA	165,000,000
VL-20F-25F/20	2000A	25kA	191,000,000

POWER FUSE (Cầu chì Trung Thế)			
Tên hàng	In (A)	(KV)	Giá bán
LFL-20G-5B	5A	24KV	3,900,000
LFL-20G-10B	10A		3,950,000
LFL-20G-16B	16A		4,000,000
LFL-20G-20B	20A		4,100,000
LFL-20G-25B	25A		4,150,000
LFL-20G-30B	30A		4,200,000
LFL-20G-40B	40A		4,250,000
LFL-20G-50B	50A		4,300,000
LFL-20G-60B	60A		4,350,000
LFL-20G-75C	75A		4,400,000
LFL-20G-100C	100A		4,400,000
LFL-20G-125B	125A		4,450,000
LFL-20G-160B	160A		4,500,000
LFL-20G-200B	200A		4,800,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG **LS SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)**
(Áp dụng từ ngày 15-04-2017)



Susol MCCB (APTOMAT loại 2 Pha)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng (Fixed thermal, fixed magnetic trip units)			
TD100N FTU100 2P	16 -> 100A	50	1,580,000
TD160N FTU160 2P	100, 125A	50	2,030,000
TD160N FTU160 2P	160A	50	2,790,000
TS100N FTU100 2P	40, 50, 63, 80, 100A	50	1,630,000
TS160N FTU160 2P	100, 125A	50	2,220,000
TS160N FTU160 2P	160A	50	2,900,000
TS250N FTU250 2P	125, 160, 200A	50	3,470,000
TS250N FTU250 2P	250A	50	4,550,000
TS400N FTU400 2P	300, 400A	65	5,570,000
TS630N FTU630 2P	500, 630A	65	6,930,000
TS800N FTU800 2P	800A	65	10,080,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In (Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic)			
TD100N FMU100 2P	16 -> 100A	50	1,680,000
TD160N FMU160 2P	100, 125A	50	2,250,000
TD160N FMU160 2P	160A	50	2,930,000
TS100N FMU100 2P	40, 50, 63, 80, 100A	50	1,790,000
TS160N FMU160 2P	100, 125A	50	2,340,000
TS160N FMU160 2P	160A	50	3,050,000
TS250N FMU250 2P	125, 160, 200A	50	3,650,000
TS250N FMU250 2P	250A	50	4,820,000
TS400N FMU400 2P	300, 400A	65	6,140,000
TS630N FMU630 2P	500, 630A	65	7,770,000
TS800N FMU800 2P	800A	65	10,400,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ) (Adjustable thermal: 0.8~1xIn, Adjustable magnetic: 5~10xIn)			
TS160N ATU160 2P	125A	50	2,460,000
TS160N ATU160 2P	160A	50	3,210,000
TS250N ATU250 2P	125, 160, 200A	50	3,840,000
TS250N ATU250 2P	250A	50	5,030,000
TS400N ATU400 2P	300, 400A	65	6,720,000
TS630N ATU630 2P	500, 630A	65	8,930,000
TS800N ATU800 2P	800A	65	11,760,000
PHỤ KIỆN MCCB Susol			
Interlock: MIT43 (44) for TS800 3P (4P)			1,750,000

Susol CONTACTOR 3 POLES - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-9	9A (1a1b)	340,000
MC-12	12A (1a1b)	400,000
MC-18	18A (1a1b)	470,000
MC-25	25A (1a1b)	600,000
MC-32	32A (1a1b)	960,000
MC-35	35A (1a1b)	1,020,000
MC-40	40A (1a1b)	1,190,000
MC-50	50A (1a1b)	1,470,000
MC-63	63A (1a1b)	1,790,000
MC-65	65A (1a1b)	1,940,000
MC-75	75A (1a1b)	2,420,000
MC-85	85A (1a1b)	3,020,000
MC-95	95A (1a1b)	3,260,000
PHỤ KIỆN MCCB Susol		
Shunt release: SHT for TD, TS100->800		635,000
Undervoltage release: UVT for TD, TS100->800		950,000
Auxiliary switch: AX for TD, TS100->800		295,000
Alarm switch: AL for TD, TS100->800		295,000
Fault alarm switch: FAL for TD, TS100->800		295,000
Motor operator: MOP1 for TD100, 160		4,300,000
Motor operator: MOP2 for TS100, 160, 250		4,500,000
Motor operator: MOP3 for TS400, 630		6,100,000
Motor operator: MOP4 for TS800		7,300,000
Busbar: Spreader SP33a for TS400-TS630		500,000
Busbar: Spreader SP43 for TS800		839,000
Busbar for 3P TS1000/1250/1600N		1,800,000
Busbar for 4P TS1000/1250/1600N		2,300,000
Direct Rotary Handle: DH1 for TD100, 160		490,000
Direct Rotary Handle: DH2 for TS250		545,000
Direct Rotary Handle: DH3 for TS400, 630		980,000
Direct Rotary Handle: DH4 for TS800		1,300,000
Extended Rotary Handle: EH1 for TD100, 160		790,000
Extended Rotary Handle: EH2 for TS250		850,000
Extended Rotary Handle: EH3 for TS400, 630		1,450,000
Extended Rotary Handle: EH4 for TS800		1,615,000
Interlock: MIT13 (14) for TD100/160 3P (4P)		1,300,000
Interlock: MIT23 (24) for TS250 3P (4P)		1,400,000
Interlock: MIT33 (34) for TS400/630 3P (4P)		1,600,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)